

Bao nhiêu triệu tấn thực phẩm có các chất độc hại đã "nằm vùng" trong bao tải ngụy tạo Việt Nam ngoài nước ngoài ?



Mới đây Cơ Quan An Toàn Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) đã tịch thu, không cho nhập cảnh vào Hoa Kỳ, 27 lô hàng mà phần lớn là thực phẩm đã chế biến, sẵn xuất từ Việt Nam vì lý do thiêu an toàn cho sức khỏe.

Những loại thực phẩm này không chỉ nhập cảnh vào Bắc Mỹ (Hoa Kỳ và Canada) mà còn được nhập cảnh vào tất cả những quốc gia nào có ngụy tạo Việt Nam sản sinh những những nước tại Âu châu, Nhật, Úc, v.v...

Đây là danh sách các công ty và địa chỉ, các loại thực phẩm bị FDA tịch thu nhập cảnh vào Hoa Kỳ, lý do vì phạm các điều khoản quy định về an toàn dược phẩm-thực phẩm.

1- Aquatic Products Trading Company, Tổng đồng lập nghiệp có địa chỉ, trên lập các chất độc hại và độc tố có hại cho sức khỏe (FILTHY, SALMONELLA), vì phạm các điều khoản 601(b), 801(a)(3), 402(a)(3), 402(a)(1)

2- Mai Linh Private Enterprise, Vũng Tàu, Thành của đồng lập nghiệp, có hóa chất phụ gia chloramphenicol (CHLORAMP) không an toàn cho sức khỏe, điều khoản 402(a)(2)(c) (i), 801(a)(3), theo định nghĩa của điều khoản 21 U.S...C. 348;

3- Batri Seafood Factory, Bến Tre, Thành của đồng lập nghiệp, có hóa chất phụ gia chloramphenicol

không an toàn cho s^oc kh^oe, đ^ou kho^on 402(a)(2)(c) (i), 801(a)(3), theo đ^onh nghĩa c^oa đ^ou 21 U.S.C. 348;

4- Nam Hai Company Ltd, có 2 s^on ph^om vi ph^om:

a) Th^ot của n^ou chín đông l^onh, có tr^on l^on đ^oc t^o gây ng^o đ^oc, đ^oc ch^ot salmonella và hóa ch^ot ph^o gia chloramphenol (POISONOUS, CHLORAMP, SALMONELLA,) gây tai h^oi cho s^oc kh^oe, vi ph^om các đ^ou kho^on 402 (a) (1), 801(a)(3), 601(a), 402(a)(2)(c) (i), 402(a)(1) theo đ^onh nghĩa c^oa lu^ot 21 U.S.C. 348;

b) L^on đông l^onh, có đ^oc ch^ot salmonella, và nhãn ghi gi^o m^o (FALSE, SALMONELLA,) m^ot lo^oi s^on ph^om khác gây hi^ou l^om cho ng^oi tiêu th^o, vi ph^om các đ^ou kho^on 403(a)(3), 801(a)(3), 502 (a), 402 (a) (1);

5- ACECOOK VIETNAM CO....., LTD, Mì l^ou Thái có h^ong v^o h^oi s^on, ch^o bi^on có l^on l^on các ch^ot đ^ob^on và không ghi các thành ph^on c^ou t^o nên s^on ph^om (LIST INGRE, FILTHY,) vi ph^om các đ^ou kho^on 403 (i) (2), 801 (a) (3), 601 (b) 402 (a) (3) ;

6- Olam Vietnam Ltd, th^o xã Gia Nghĩa, có 7 lô hàng b^ong ch^on g^om Tiêu đen nguyên h^ot và Tiêu đen xay đ^ou có ch^oa đ^oc ch^ot Salmonella, vi ph^om các đ^ou kho^on 402 (a) (1), 801 (a) (3) ;

7- Don Nguyen, 3 s^on ph^om thô là Đ^ou kh^ou (Cardamon), Cam th^oo (Licorice) và Qu^o (Cinnamon) ghi sai nhãn v^o hình th^oc và n^oi dung đ^oc quy đ^onh theo các đ^ou kho^on 4(a), 801(a)(3);

8- Van Nhu Seafoods Limited Company (VN Seafoods Co.), Nha Trang, Cá sòng ngân (Mackerel) c^ot khúc đông l^onh, ch^o bi^on đ^ob^on, l^on l^on các ch^ot h^on t^op, đ^ou kho^on vi ph^om 601(b), 801(a), 402(a)(3);

9- Nam Phong Trading Co, Tiêu b^ot ch^oa đ^oc ch^ot Salmonella, theo đ^ou kho^on 402 (a) (1), 801 (a) (3) ;

10- Lucky Shing Enterprise Co Ltd, B^ot ngũ c^oc ăn li^on vi ph^om r^ot nhi^ou đ^ou kho^on b^o nghiêm c^om g^om có: Thi^ou thông tin đ^oy đ^o (NOT LISTED) v^o s^on ph^om theo đòi h^oi c^oa các đ^ou 502 (o), 801 (a) (3), 510 (j), 510 (k);

Không ghi thành t^o gây r^oi ro b^onh t^ot hi^on di^on trong s^on ph^om d^ong sinh (UNSFDIETLB) , theo các đ^ou 402 (f) (1) (A);

Th^oc ph^om d^ong sinh n^oy (đ^oc coi) là m^ot lo^oi d^oc ph^om m^oi nh^ong CH^oA có đ^on xin th^o nghi^om đ^o đ^oc ch^op thu^on (UNAPPROVED,) theo đ^ou 505 (a);

11- Nhan Hoa Co., Ltd, Cá đông l^onh, ch^oa đ^oc t^o Salmonella, vi ph^om đ^ou 402 (a) (1), 801 (a) (3) ;

12- United Seafood Packer Co. Ltd, Th^ot (Fillet) cá l^oi ki^om đông l^onh, ch^oa đ^oc ch^ot gây ng^o đ^oc (poisonous), vi ph^om đ^ou kho^on 402 (a) (1), 801 (a) (3), 601 (a);

13- Seapimex Vietnam, có 7 lô hàng v^o Ch^o cua đông l^onh, có hóa ch^ot ph^o gia Chloramphenol không an toàn s^oc kh^oe theo đ^onh nghĩa c^oa đ^ou lu^ot 21 U.S.C. 348, vi ph^om các đ^ou kho^on 402 (a) (2) (c) (i), 801 (a) (3) ;

14- MY THANH CO., LTD, có 5 lô hàng g^om 4 s^on ph^om:
Cá h^ong snapper (?) đông l^onh b^o t^o ch^oi nh^op c^ong, vi ph^om các đ^ou:

Nh^on sai (LABELING) v^o v^o trí, hình th^oc và n^oi dung theo đ^ou 4 (a), 801 (a) (3);

D^oa mu^oi và N^oc ch^om chay (n^oc t^ong: Vegetarian dipping sause) có các vi ph^om:

Không đăng ký là lo^oi s^on ph^om đóng h^op có đ^o acid th^op (NEEDS FCE) theo đòi h^oi c^oa đ^ou lu^ot 21 CFR 801.25 (c) (1) ho^oc 801.35 (c) (1), vi ph^om đ^ou 402 (a) (4), 801 (a) (3);

Không ghi chú thông tin v^o ti^on trình s^on xu^ot (NO PROCESS,) theo đòi h^oi c^oa đ^ou lu^ot 21 CFR 801.25 (c) (2) ho^oc 801.35 (c) (2), vi ph^om đ^ou 402 (a) (4), 801 (a) (3);

Cá s^ong ng^om mu^oi (m^om cá s^ong) vi ph^om:

Đ^oc ch^ot Histamine v^ot quá li^ou l^ong ch^op nh^on, gây h^oi cho s^oc kh^oe theo các đ^ou 402 (a) (1), 801 (a) (3);

S^on ph^om d^o b^on, có ch^oa các ch^ot d^o b^on h^on t^op (FILTHY) theo các đ^ou 601 (b), 801 (a) (3), 402 (a) (3);

15- Kien Giang Ltd, t/p HCM, có 2 s^on ph^om là Cá nh^ong (barracuda) và cá mang gi^o (? , Perch,) đ^ong l^onh, d^o b^on, trong s^on ph^om có t^op ch^ot vi ph^om các đ^ou 601 (b), 801 (a) (3), 402 (a) (3) ;

16- Vinh Sam Private Trade Trade Enterprise, Tuy Hòa, Cá l^oo i ki^om t^oo i, có đ^oc t^o gây ng^o đ^oc, vi ph^om các đ^ou 402 (a) (1), 801 (a) (3), 601 (a) ;

17- Tu Hung Trading Company aka Doanh Nghiệp Tntm Tu Hung, có 3 s^on ph^om:

a) Bán h^onh nh^on, nh^on không ghi các thành ph^on nguyên li^ou t^oo nên s^on ph^om (LIST INGREDIENTS) vi ph^om các đ^ou 403 (i) (2), 801 (a) (3);

b) Bán chay: Không đ^o ph^om ch^ot (STD QUALITY,) nh^o đ^oc ghi trên nh^on, vi ph^om đ^ou 403 (h) (1), 801 (a) (3)

Nhãn hi^ou gi^o m^o (FALSE,) không ghi đúng nguyên li^ou hay ghi sai li^oc gây nh^om l^on cho ng^oi tiêu th^o, vi ph^om đ^ou 502 (a), 801 (a) (3);

c) Bánh tráng mè: Không ghi đúng tên theo đ^onh nghĩa, tính ch^ot và tiêu chu^on c^oa s^on ph^om (STD IDENT,) theo đ^ou 401, do đó vi ph^om các đ^ou 403 (g) (1), 801 (a) (3) ;
Nhãn hi^ou không ghi các t^o ch^ot chính y^ou gây d^ong (ALLERGEN,) hi^on đ^on trong s^on ph^om theo đòi h^oi c^oa các đ^ou 403 (w), 403 (w) (1), 801 (a) (3) ;

18- Trung Nguyen Coffee Enterprise (Cà phê Trung Nguyên), Cà phê b^ot u^ong li^on "3 in 1" (túi có 20 gói), đã vi ph^om các đ^ou:

Không ghi thành ph^on nguyên li^ou t^oo ra s^on ph^om (LIST INGRE,) 403 (i) (2) ;

Nhãn hi^ou gi^o m^o hay ghi chú sai li^oc (FALSE,) vi ph^om các đ^ou 403 (a) (1), 801 (a) (3), 502 (a) ;

S^on ph^om không cung c^op đ^oy đ^o thông tin v^o các thành ph^on dinh d^ong và ch^ot béo (TRANSFAT,) có trong s^on ph^om theo đòi h^oi c^oa đ^ou 21 CFR 101.9 (c), vi ph^om đ^ou 403 (q), 801 (a) (3) ;

19- Dragon Waves Frozen Food Factory Co. Ltd, Nha Trang, Cá ng^o (c^ot thành t^ong mi^ong) đông l^onh, s^on ph^om d^ob^on, nhi^ou t^op ch^ot gây ng^o đ^oc, cùng v^oi đ^oc ch^ot Histamine v^ot quá li^ou l^ong ch^op nh^on, vi ph^om các đ^ou 402 (a) (1), 402 (a) (3), 601 (b), và 801 (a) (3);

20- Thang Loi Frozen Food Enterprise, Tôm đông l^onh, có đ^oc ch^ot Salmonella, vi ph^om đ^ou 402 (a) (1), 801 (a) (3) ;

21- Hai Dang International Trading Services Co. Ltd, t/p HCM, hóa ch^ot hay d^oc li^ou

Lidocaine (dùng trong thực phẩm [?], có thành phần hóa học là C₁₄H₂₂N₂O,) đã vi phạm 2 điều:

Không liệt kê thông tin đầy đủ về sản phẩm (NOT LISTED,) theo đòi hỏi của các điều 502 (o), 801 (a) (3), 510 (j), hoặc 510 (k);

Độc hại nếu mà xin phép kiểm nghiệm để được chấp thuận xuất khẩu (UNAPPROVED,) vi phạm điều 505 (a), 801 (a) (3);

22- Chinh Dat Co., Ltd, Bao gói cá sấy khô, sản phẩm d b n, nhiễm tạp chất, vi phạm các điều 402 (a) (3), 601 (b), và 801 (a) (3) ;

23- Vinh Hiep Co., Ltd, t/p HCM, có 2 sản phẩm:

Thịt hào (ngêu, sò) hộp chín đông lạnh, và Múc đông lạnh, là các sản phẩm d b n, nhiễm tạp chất, vi phạm các điều 402(a)(3), 601(b), và 801(a)(3);

24- Vifaco Nong Hai San-Xay, thịt c h p chín đông lạnh, chứa độc chất Salmonella, vi phạm điều 402 (a) (1), 801 (a) (3) ;

25- Vương Kim Long Co. Ltd, có 3 sản phẩm v b n khô, loại độc hại, s i l n, s i nh , sản phẩm d b n và loại phẩm màu không an toàn, vi phạm các điều 601(b), 801(a)(3), 402(a)(3), 402(c), 501(a)(4)(B) .

Trên đây chỉ liệt kê điều kiện hình phạt công ty, mặt số sản phẩm bị t chốt nhập khẩu vào Hoa Kỳ n i trong năm mà thôi.

Còn bao nhiêu công ty khác, bao nhiêu sản phẩm khác đã "lọt sàng" trước đó và sau này? Còn bao nhiêu sản phẩm t Việt Nam đã v t ra "biến l n" vào Canada , Âu châu, Nhật, Úc v.v... và v.v...?

Bao nhiêu tri u t n th c ph m có các ch t đ c h i đã "n m vùng" (và hoành hành) trong bao t ng i Vi t s ng n c ngoài và t t nhiên c và ng i dân trong n c?

Th nh tho ng trong n c, báo chí có loan tin h c sinh, công nhân hay ng i dân bình th ng, th p c bé mi ng b ng đ c th c ăn, nh ng không th y th ng kê s ng i ng đ c hay t vong.

Tình tr ng thông tin hay th ng kê n y đ i ng i Vi t s ng n c ngoài trên toàn th gi i i càng hi m hoi, có th nói là h u nh ch a nghe th y (vì không ai thông báo hay loan tin ch không h n là không có).